

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 246/2019/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Trần Trung T, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Số nhà X, ấp HĐ, xã LB, huyện L, tỉnh Đp.
- *Bị đơn*: Đinh Minh N, sinh năm 1996;
Địa chỉ: Số nhà Y, ấp T, xã T, huyện Lng, tỉnh Đp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ và o Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, ngày 26 tháng 8 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Trung T với chị Đinh Minh N.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về hôn nhân: Trần Trung T và Đinh Minh N cùng đồng ý thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Trần Trung T và Đinh Minh N thống nhất giao con chung tên là Trần Minh A, sinh ngày 19/11/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp

đường, chị N không yêu cầu giải quyết.

Chị Đinh Minh N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Đinh Minh N và Trần Trung T thống nhất cho anh Trần Trung T được hưởng tài sản chung là 8.500.000 đồng (chị N đang giữ). Chị N tự nguyện giao lại cho anh T tài sản chung là 8.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Về nợ khi ly hôn: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí và tạm ứng án phí: Trần Trung T tự nguyện chịu án phí dân sự là 363.000 đồng. Trong đó, án phí về ly hôn là 150.000 đồng và án phí về tài sản là 213.000 đồng được khấu trừ từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001685, ngày 23/7/2019 và 213.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001686, ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Anh T được nhận lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi Cục THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT, (V.10b).

THẨM PHÁN

Tô Thị Hoa Lư